

Số: 18 /2014/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 18 tháng 7 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố
trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

SỞ TT&TT TỈNH HÀ GIANG	
CÔNG VĂN ĐẾN	SỐ: <u>1.765</u> NGÀY: <u>24/8/2014</u>

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh số 34/PL-UBTVQH11 ngày 20 tháng 4 năm 2007 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị quyết Liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về việc hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 203/TTr-SNV ngày 14 tháng 7 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3501/QĐ-UB ngày 19 tháng 11 năm 2004 của UBND tỉnh Hà Giang về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư Pháp;
- TTr Tỉnh ủy;
- TTr HĐND tỉnh;
- TTr UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm công báo - tin học tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đàm Văn Bông

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Giang

*(Kèm theo Quyết định số 11/2014/QĐ - UBND, ngày 12 tháng 7 năm 2014
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

2. Những nội dung không được quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; Nghị quyết Liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về việc hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Thôn, tổ dân phố

1. Thôn, xóm, làng, bản... gọi chung là "thôn"; "thôn" được tổ chức ở xã, thị trấn; dưới xã, thị trấn là "thôn".

2. "Tổ dân phố" được tổ chức ở phường, thị trấn; dưới phường, thị trấn là "tổ dân phố".

3. Thôn, tổ dân phố là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư, nơi thực hiện dân chủ một cách trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản và tổ chức nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao; thôn, tổ dân phố không phải là một cấp hành chính.

Điều 3. Tổ chức của thôn, tổ dân phố

1. Thôn có Trưởng thôn; đối với thôn có đủ số hộ dân theo quy định tại Khoản 1, Điều 9 Quy chế này được bố trí 01 Phó trưởng thôn; Trường hợp thôn có trên 500 hộ gia đình thì có thể bố trí thêm Phó trưởng thôn, nhưng không quá 02 Phó trưởng thôn.

2. Tổ dân phố có Tổ trưởng tổ dân phố; đối với tổ dân phố có đủ số hộ dân theo quy định tại Khoản 1, Điều 9 Quy chế này được bố trí 01 Tổ phó tổ dân phố; Trường

hợp tổ dân phố có trên 600 hộ gia đình thì có thể bổ trí thêm Tổ phó tổ dân phố, nhưng không quá 02 Tổ phó tổ dân phố.

3. Mỗi thôn, tổ dân phố có các chức danh không chuyên trách thuộc các tổ chức cơ sở Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các Đoàn thể, lực lượng Quốc phòng - An ninh, tổ chức xã hội, bao gồm: Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Công an viên, Thành viên Ban bảo vệ dân phố, Thôn đội trưởng, Trưởng ban công tác Mặt trận, Bí thư Chi đoàn thanh niên, Chi hội trưởng người cao tuổi, Chi hội trưởng Cựu chiến binh, Chi hội trưởng Nông dân, Chi hội trưởng phụ nữ và các chức danh khác theo quy định của pháp luật.

4. Các tổ chức và cá nhân những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố phối hợp với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tổ chức thực hiện tốt các nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố quy định tại Điều 4 Quy chế này.

Điều 4. Nội dung, nơi sinh hoạt của thôn, tổ dân phố

1. Cộng đồng dân cư trong thôn, tổ dân phố cùng nhau thảo luận và biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định những nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở xã, phường, thị trấn; bàn và quyết định trực tiếp việc thực hiện các công việc tự quản theo quy định của pháp luật trong việc xây dựng nông thôn mới, quản lý đô thị, phát triển sản xuất, xây dựng các công trình phúc lợi, giảm nghèo; thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền giao; thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân đối với Nhà nước; bảo đảm đoàn kết, dân chủ, công khai, minh bạch, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp ở địa phương; xây dựng, giữ vững và phát huy danh hiệu "Thôn văn hóa", "Tổ dân phố văn hóa"; phòng chống các tệ nạn xã hội và xóa bỏ hủ tục.

2. Thực hiện dân chủ ở cơ sở; xây dựng và thực hiện quy chế, hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố; tích cực tham gia cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" và các cuộc vận động do các tổ chức chính trị - xã hội phát động.

3. Thực hiện sự lãnh đạo của chi bộ thôn, tổ dân phố và Đảng ủy cấp trên, củng cố và duy trì hoạt động có hiệu quả của các tổ chức tự quản ở thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật.

4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố. Bầu, bãi nhiệm thành viên Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng và các tổ chức khác theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

5. Tuyên truyền và tổ chức thực hiện các tiêu chí Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

6. Các nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố được thực hiện thông qua hội nghị của thôn, tổ dân phố.

7. Nơi tổ chức sinh hoạt, hội họp của thôn, tổ dân phố được tổ chức tại các nhà văn hóa cụm dân cư hoặc các nhà sinh hoạt cộng đồng khác.

Điều 5. Hội nghị của thôn, tổ dân phố

1. Thôn, tổ dân phố tổ chức hội nghị định kỳ ba tháng một lần để đánh giá các hoạt động của thôn, tổ dân phố và xây dựng phương hướng cho thời gian tiếp theo; sơ kết 6 tháng đầu năm vào tháng 6 và tổng kết hoạt động trong năm vào tháng 12; họp bất thường khi cần hoặc theo chỉ đạo của cấp trên.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, đôn đốc các hộ gia đình tham gia đầy đủ các buổi họp định kỳ hoặc đột xuất của thôn, tổ dân phố cũng như thực hiện tốt các nghĩa vụ theo quy định.

3. Thành phần tham dự hội nghị của thôn, tổ dân phố phải là chủ hộ hoặc cử tri từ đủ 18 tuổi trở lên được ủy quyền đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố.

4. Hội nghị thôn, tổ dân phố do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố triệu tập và chủ trì; hội nghị được tiến hành khi có trên 50% số cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự.

5. Trường hợp thôn, tổ dân phố có trên 200 hộ gia đình, có địa bàn dân cư sống không tập trung thì có thể tổ chức các cuộc họp theo từng cụm dân cư phù hợp với tình hình thực tế. Cuộc họp của mỗi cụm dân cư được tiến hành khi có trên 50% số cử tri đại diện hộ gia đình trong cụm dân cư tham dự. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tổng hợp kết quả cuộc họp ở từng cụm dân cư vào kết quả chung của toàn thôn, tổ dân phố.

Điều 6. Hình thức tổ chức hội nghị của thôn, tổ dân phố

1. Đối với các công việc trong phạm vi thôn, tổ dân phố và việc triển khai các nội dung theo quy định tại Điều 10, Điều 13 của Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 về việc thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn (trừ việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố):

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố sau khi thống nhất với Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố quyết định lựa chọn một trong hai hình thức dưới đây để cử tri ở thôn, tổ dân phố bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết trước khi cấp có thẩm quyền quyết định:

a) Tổ chức họp, lấy ý kiến của cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố;

b) Tổ chức phát phiếu lấy ý kiến tới toàn thể hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố.

2. Đối với các công việc trong phạm vi cấp xã

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố thực hiện theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND cấp xã.

Điều 7. Tổ chức cuộc họp

1. Trình tự tổ chức cuộc họp

a) Công tác tổ chức: điểm danh, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu;

b) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố hoặc Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố (chủ trì cuộc họp) nêu mục đích, yêu cầu, nội dung cuộc họp;

c) Chủ trì cuộc họp cho tiến hành giới thiệu người làm thư ký cuộc họp để cử tri đại diện hộ gia đình biểu quyết (theo đề cử của người chủ trì cuộc họp hoặc của cử tri đại diện hộ gia đình);

d) Chủ trì cuộc họp triển khai các văn bản chỉ đạo của cấp trên (nếu có), trình bày những nội dung cần đưa ra để cuộc họp xem xét;

đ) Những người tham gia cuộc họp thảo luận, phát biểu ý kiến;

e) Lãnh đạo cấp trên hoặc đại biểu mời phát biểu (nếu có);

f) Chủ trì cuộc họp tổng hợp chung các ý kiến của những người tham gia cuộc họp; đề xuất phương án biểu quyết; việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do cuộc họp quyết định. Nếu biểu quyết bằng hình thức giơ tay cử tri biểu quyết lần lượt từng nội dung cần thông qua; thông báo ngay kết quả biểu quyết từng nội dung trước cuộc họp; nếu bằng hình thức bỏ phiếu kín thì thực hiện theo Điều 8 Quy chế này;

g) Thư ký thông qua biên bản cuộc họp.

2. Kết quả biểu quyết

a) Nếu có trên 50% tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành thì kết quả cuộc họp có giá trị thi hành. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lập biên bản và thông báo đến các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố về kết quả cuộc họp;

c) Trường hợp không đạt trên 50% tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành thì Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tổ chức lại cuộc họp. Việc tổ chức lại cuộc họp thực hiện theo Điều 8 Quy chế này;

d) Cách tính tỷ lệ biểu quyết: Số cử tri đại diện hộ gia đình có mặt so với tổng số hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố (gồm cả hộ gia đình vắng mặt).

3. Đối với các công việc trong phạm vi cấp xã

a) Trưởng thôn, Tổ trưởng dân phố tổ chức họp thôn, tổ dân phố theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND cấp xã;

b) Trình tự tổ chức cuộc họp tại các thôn, tổ dân phố thực hiện như quy định tại Khoản 1, Điều này;

c) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố sau khi tổng hợp kết quả cuộc họp ở thôn, tổ dân phố gửi kết quả đến Chủ tịch UBND cấp xã.

Điều 8. Hình thức tổ chức để nhân dân bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết áp dụng theo quy định tại Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 9. Điều kiện thành lập thôn, tổ dân phố mới

Thành lập thôn, tổ dân phố mới phải bảo đảm có đủ các điều kiện sau:

1. Quy mô số hộ gia đình:

a) Thành lập thôn mới:

- Đối với các khu vực biên giới, các xã có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn theo quy định: Mỗi thôn thành lập mới phải có từ 70 hộ gia đình trở lên;

- Đối với các khu vực còn lại: Mỗi thôn thành lập mới phải có từ 100 hộ gia đình trở lên.

b) Thành lập tổ dân phố mới:

- Đối với các khu vực biên giới, đặc biệt khó khăn theo quy định: Mỗi tổ dân phố thành lập mới phải có từ 120 hộ gia đình trở lên;

- Đối với các khu vực còn lại: Mỗi tổ dân phố thành lập mới phải có từ 150 hộ gia đình trở lên.

2. Thôn, tổ dân phố phải có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với quy hoạch điểm dân cư và điều kiện thực tế của địa phương. Riêng đối với thôn phải bảo đảm diện tích đất ở và đất sản xuất bình quân của mỗi hộ gia đình ít nhất bằng mức bình quân chung của xã nơi thành lập thôn, tổ dân phố (Trừ các trường hợp qui định tại Khoản 3, Điều này).

3. Trường hợp các thôn, tổ dân phố nằm trong quy hoạch giải phóng mặt bằng, tái định cư, điều chỉnh địa giới hành chính, di dân dân cư, khu vực đặc biệt khó khăn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đã hình thành các cụm dân cư mới ở vùng biên giới, vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa, địa hình chia cắt, địa bàn rộng giao thông đi lại khó khăn, có các điều kiện thành lập thôn, tổ dân phố mới thấp hơn quy định tại

Khoản 1, Điều này, đòi hỏi phải thành lập thôn mới, tổ dân phố mới thì lập hồ sơ trình kỳ họp HĐND tỉnh xem xét, quyết định theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

Điều 10. Quy trình, hồ sơ thành lập thôn, tổ dân phố mới và sáp nhập thôn, tổ dân phố

1. Căn cứ đề nghị của UBND cấp xã, UBND cấp huyện có văn bản trình UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) xin chủ trương thành lập thôn, tổ dân phố mới hoặc sáp nhập thôn, tổ dân phố;

Tờ trình gửi Ủy ban nhân dân tỉnh xin chủ trương cần nêu rõ lý do, sự cần thiết thành lập thôn mới, tổ dân phố mới hoặc sáp nhập thôn, tổ dân phố; vị trí, đặc điểm kinh tế xã hội, dự kiến diện tích, số hộ gia đình, số nhân khẩu của thôn mới, tổ dân phố mới hoặc thôn, tổ dân phố sau khi được sáp nhập và diện tích, số hộ gia đình, số nhân khẩu còn lại của thôn, tổ dân phố sau khi chia tách.

2. Khi được UBND tỉnh đồng ý về chủ trương, UBND cấp huyện chỉ đạo UBND cấp xã xây dựng Đề án thành lập thôn, tổ dân phố mới hoặc sáp nhập thôn, tổ dân phố:

Nội dung của Đề án gồm:

a) Sự cần thiết phải thành lập thôn, tổ dân phố mới hoặc sáp nhập thôn, tổ dân phố;

b) Tên gọi thôn, tổ dân phố mới;

c) Vị trí địa lý, ranh giới thôn, tổ dân phố mới (có sơ đồ thể hiện vị trí địa lý);

d) Vị trí dự kiến xây dựng nhà văn hóa thôn, tổ dân phố mới (nếu chưa có);

đ) Số hộ, số nhân khẩu của thôn, tổ dân phố mới;

e) Diện tích tự nhiên của thôn, tổ dân phố mới; đối với thôn phải chi tiết số liệu về diện tích đất ở, đất sản xuất, đơn vị tính là héc ta (ha);

f) Điều kiện về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và các điều kiện thiết yếu khác đảm bảo cho hoạt động của thôn, tổ dân phố;

g) Đề xuất, kiến nghị.

3. UBND cấp xã tổ chức lấy ý kiến của cử tri đại diện hộ gia đình về Đề án trong khu vực dự kiến thành lập thôn, tổ dân phố mới hoặc khu vực sáp nhập thôn, tổ dân phố; tổng hợp và lập thành báo cáo lấy ý kiến về Đề án.

4. Nếu được trên 50% số cử tri đại diện hộ gia đình đồng ý thì UBND cấp xã hoàn chỉnh Đề án trình kỳ họp HĐND cùng cấp thông qua.

5. Sau khi có nghị quyết của HĐND cùng cấp thì UBND cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND cấp huyện.

6. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do UBND cấp xã chuyển đến, UBND cấp huyện có Tờ trình, kèm theo hồ sơ thành lập thôn, tổ

dân phố mới hoặc sáp nhập thôn, tổ dân phố của UBND cấp xã gửi UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ thẩm định).

7. Hồ sơ gửi Sở Nội vụ (được lập thành 02 bộ) gồm có:

- a) Tờ trình của UBND cấp huyện trình UBND tỉnh;
- b) Tờ trình của UBND cấp xã trình UBND cấp huyện;
- c) Đề án thành lập thôn, tổ dân phố mới hoặc sáp nhập thôn, tổ dân phố;
- d) Biên bản lấy ý kiến cử tri;
- đ) Tờ trình của UBND cấp xã trình HĐND cùng cấp;
- e) Nghị quyết của HĐND cấp xã.

8. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của UBND cấp huyện, Sở Nội vụ có văn bản thẩm định kết quả và trình UBND tỉnh.

9. Căn cứ kết quả thẩm định và Tờ trình của Sở Nội vụ, UBND tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh gần nhất thông qua (đối với sáp nhập thôn, tổ dân phố UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh cho ý kiến bằng văn bản). Sau khi có Nghị quyết của HĐND tỉnh (hoặc ý kiến bằng văn bản của Thường trực HĐND tỉnh), Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định thành lập thôn, tổ dân phố mới hoặc sáp nhập thôn, tổ dân phố.

Điều 11. Quy trình và hồ sơ đổi tên thôn, tổ dân phố

1. Căn cứ đề nghị của UBND cấp xã và xét thấy điều kiện thực tế cần thiết, UBND cấp huyện có văn bản đồng ý về chủ trương đề nghị đổi tên thôn, tổ dân phố.

2. Khi được UBND cấp huyện đồng ý về chủ trương, UBND cấp xã tổ chức lấy ý kiến của cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực về việc dự kiến đổi tên thôn, tổ dân phố; lập thành báo cáo lấy ý kiến cử tri.

3. Nếu được trên 50% số cử tri đại diện đồng ý, UBND cấp xã trình kỳ họp HĐND cùng cấp thông qua.

4. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có Nghị quyết của HĐND cùng cấp thì UBND cấp xã hoàn thiện Tờ trình và hồ sơ gửi UBND cấp huyện;

Nội dung Tờ trình cần nêu rõ: Đặc điểm, thực trạng của thôn, tổ dân phố cần đổi tên; lý do, sự cần thiết phải đổi tên thôn, tổ dân phố; tên thôn, tổ dân phố cũ và dự kiến tên mới; tỷ lệ cử tri đại diện hộ gia đình nhất trí với việc đổi tên thôn, tổ dân phố; đề xuất, kiến nghị.

5. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của UBND cấp xã chuyển đến, UBND cấp huyện có Tờ trình, kèm theo hồ sơ của UBND cấp xã gửi Sở Nội vụ thẩm định.

6. Hồ sơ gửi Sở Nội vụ (được lập thành 02 bộ) gồm có:

- a) Tờ trình của UBND cấp huyện trình UBND tỉnh;
- b) Tờ trình của UBND cấp xã trình UBND cấp huyện;

c) Tờ trình của UBND cấp xã trình HĐND cùng cấp;

d) Nghị quyết của HĐND cấp xã;

đ) Báo cáo kết quả lấy ý kiến cử tri.

7. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình và hồ sơ hợp lệ của UBND cấp huyện, Sở Nội vụ có văn bản thẩm định kết quả và trình UBND tỉnh.

8. Căn cứ kết quả thẩm định và tờ trình của Sở Nội vụ, UBND tỉnh xem xét ban hành quyết định đổi tên thôn, tổ dân phố.

Điều 12. Quy trình và hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Điều 13. Trường hợp thành lập phường, thị trấn thì chuyển các thôn hiện có của xã thành tổ dân phố thuộc phường, thị trấn; đối với những xã đã thành lập phường, thị trấn nhưng vẫn còn tổ chức và hoạt động theo mô hình thôn thì UBND cấp huyện chỉ đạo, hướng dẫn UBND phường, thị trấn lập Đề án đổi tên các thôn thành các tổ dân phố (trừ thôn đặc biệt khó khăn được cấp có thẩm quyền công nhận).

Điều 14. Đối với những thôn, tổ dân phố được thành lập trước khi Quy chế này có hiệu lực thi hành và có các điều kiện thấp hơn theo quy định, nếu không thể sáp nhập với thôn, tổ dân phố khác thì tiếp tục giữ nguyên.

Điều 15. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố và các nội dung được quy định tại Quy chế này.

Điều 16. Quyền lợi và chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; được hưởng mức phụ cấp hàng tháng và các chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn những kiến thức, kỹ năng cần thiết; khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành.

3. Nếu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được biểu dương, khen thưởng; không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm, khuyết điểm, không được nhân dân tín nhiệm thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, tổ phó tổ dân phố thực hiện theo Khoản 1, Khoản 2, Điều

12 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Điều 18. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

1. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là hai năm rưỡi. Trường hợp thành lập thôn, tổ dân phố mới hoặc khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Chủ tịch UBND cấp xã chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời; trong thời hạn không quá 6 tháng kể từ ngày có quyết định chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

2. Nhiệm kỳ của Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố thực hiện theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

3. Chủ tịch UBND cấp xã quyết định công nhận kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố.

Điều 19. Kinh phí hoạt động của thôn, tổ dân phố được bảo đảm một phần từ ngân sách nhà nước giao theo quy định và các nguồn kinh phí hợp pháp do quyền góp, ủng hộ của các tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp khác.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Đối với Sở Nội vụ:

a) Thẩm định việc thành lập thôn, tổ dân phố mới, sáp nhập, đổi tên thôn, tổ dân phố trình UBND tỉnh;

b) Tham mưu giúp UBND tỉnh ban hành tiêu chí phân loại thôn, tổ dân phố và Quyết định phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh;

c) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn và hàng năm báo cáo việc thực hiện Quy chế với UBND tỉnh và Bộ Nội vụ.

2. Đối với các sở, ban, ngành có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, phối hợp với Sở Nội vụ trong việc chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quy chế này.

3. Đối với UBND cấp huyện:

a) Chỉ đạo rà soát, xác định những thôn, tổ dân phố có các điều kiện thuận lợi có thể sáp nhập hoặc các thôn, tổ dân phố có số hộ quá ít, khuyến khích việc sáp nhập thôn, tổ dân phố nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của

các tổ chức tự quản ở thôn, tổ dân phố, từng bước hoàn thiện đủ các tiêu chí của thôn, tổ dân phố theo quy định;

b) Hướng dẫn cấp xã tổ chức kiện toàn các chức danh ở thôn, tổ dân phố (nếu sáp nhập thôn, tổ dân phố);

c) Chỉ đạo, kiểm tra và tổ chức thực hiện Quy chế này trên địa bàn; hàng năm báo cáo định kỳ hoặc đột xuất kết quả tổ chức, thực hiện Quy chế này với UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp).

4. Đối với UBND cấp xã:

a) Chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt Quy chế này;

b) Quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và các tổ chức tự quản khác ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn theo quy định.

Điều 21. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đàm Văn Bông